TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2020
Về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Khoa, ông Cà Văn Pản.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hằng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 470/2020/QĐST-DS ngày 23/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Duy G, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 7, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 7, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S. Địa chỉ: Số 11, đường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T, Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn T, Phó Giám đốc. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N. Địa chỉ: Số nhà 41, đường N, tổ 5, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Ông T vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt; bà N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Vũ Duy G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 11/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, do hai bên tự nguyện. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh làm ăn kinh tế gặp khó khăn, chị M không cùng gánh vác, không trung thực trong kinh tế gia đình. Anh đã tha thứ nhưng chị M không rút kinh nghiệm, không sửa chữa. Hiện tại anh chị sống ly thân, anh thuê nhà ở tại tổ 5 phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005 và Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008. Anh tôn trọng nguyện vọng của hai con, nhất trí giao hai con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi có quyết định của Tòa án. Chị M yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/1 tháng, anh không nhất trí vì thu nhập hàng tháng của anh hiện nay khoảng 5.000.000 đồng/tháng và hiện tại anh phải thuê nhà ở.

Về tài sản chung: 01 ngôi nhà cấp bốn trên tổng diện tích đất là 222,6m^2 tại khu vực tổ 7, phường C, thành phố S chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản sinh hoạt trong gia đình. Anh để lại tài sản cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh chị có hai khoản nợ chung gồm:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐ-TD đề ngày 18/11/2019, là khoản vay vốn chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm do chị M đứng tên vay, sử dụng mục đích chung của gia đình, nâng cấp nhà xưởng, mua tôn nhôm sắt. Anh đề nghị chị M chịu trách nhiệm trả.

- Nợ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N số tiền vay còn lại 136.800.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 26/5/2019, mục đích mua vật tư sắt thép làm kinh tế gia đình. Anh có trách nhiệm trả số nợ này cho ông bà T, N.

Nguyên đơn anh Vũ Duy G không nhất trí với lời trình bày bổ sung của chị M về khoản vay của ông bà HN. Do anh không được cùng đi vay, không được biết khoản vay và không chịu trách nhiệm về khoản vay mà chị M trình bày là không có giấy tờ.

Tại phiên tòa, anh G thay đổi ý kiến, yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ ngân hàng và ông bà TN.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí lời trình bày của anh G về việc kết hôn. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu do anh G có quan hệ ngoài hôn nhân với chị N (chị không cung cấp họ và địa chỉ), sự việc này có anh chồng Vũ Duy M và con trai Vũ Duy V biết. Anh chị không có mâu thuẫn nhiều về kinh tế gia đình, anh G đưa tiền cho chị đi mua thức ăn cho thợ nhưng lại cho rằng chị đã chi tiêu vào việc khác. Hiện nay, anh

G đã thuê nhà trọ ở, không quan tâm đến gia đình. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn.

Chị M đề nghị anh Vũ Duy M làm chứng việc biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh G và chị. Nhưng anh Vũ Duy M trình bày giữa một bên là em ruột, một bên là em dâu, anh không làm chứng hay cung cấp ý kiến gì cho Tòa án bằng văn bản, anh M cùng gia đình đã khuyên giải anh chị nhiều nhưng anh chị không nghe.

Chị M không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì chứng minh nguyên nhân mâu thuẫn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005 và Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008. Nếu thực sự vợ chồng không thể đoàn tụ thì chị đề nghị được nuôi cả hai con, anh G tự nguyện cấp dưỡng mỗi con mức 1.000.000 đồng/tháng, chị không nhất trí, chị yêu cầu anh G cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/1 tháng. Thu nhập của chị hiện nay là công nhân Công ty cổ phần M Sơn La, hệ số lương 1,00; bậc 1/7, hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Tại phiên tòa, chị M thay đổi ý kiến, yêu cầu anh và chị mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐ-TD ngày 18/11/2019. Chị đã trả lãi hàng tháng và trả số tiền gốc 8.000.000 đồng, còn 42.000.000 đồng.

- Nợ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N số tiền 136.800.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 26/5/2019. Thực chất là do gán đất trừ nợ số tiền 530.000.000 đồng tiền sắt xây dựng.

Trong trường hợp anh G chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ với ông Thành, bà N thì chị chịu trách nhiệm trả nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh S. Ngoài ra, các khoản nợ riêng khác của anh G nếu có để làm ăn thì chị không được biết và không chịu trách nhiệm.

Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại thủ tục hòa giải, chị M đề nghị bổ sung khoản nợ ông bà Nguyễn Văn H, Phạm Thị N (bố mẹ đẻ của chị; địa chỉ: Xóm 4, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình). Số tiền nợ là: 50.000.000 đồng để mua đất, do hai vợ chồng cùng đứng ra vay, không lập giấy tờ, không nhớ rõ thời gian vay. Chị đề nghị Tòa án bổ sung bố mẹ chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và giải quyết anh, chị cùng có trách nhiệm trả mỗi người một nửa số nợ.

Ngày 08/9/2020, chị Nguyễn Thị M nộp đơn của ông bà Nguyễn Văn H, Phạm Thị N đề nghị xem xét về khoản nợ 50.000.000 đồng, kèm theo không cung cấp chứng cứ chứng M cho yêu cầu của ông bà (giấy vay, xác nhận hay thông tin của người làm chứng, ...).

Tại phiên tòa, chị M trình bày: Nếu anh G không thừa nhận khoản nợ ông bà HN thì chị không yêu cầu giải quyết khoản tiền vay ông bà HN nữa. Chị đề nghị nếu chị nuôi cả hai con thì anh G phải trả cả hai khoản nợ ngân hàng và ông bà TN.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Sơn La trình bày:

Chị Nguyễn Thị M (mã khách hàng 1600108346), có chồng là Vũ Duy G, trú tại tổ 7, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, hiện đang là khách hàng vay vốn chương trình Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Sơn La, số tiền vay 50.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐ-TD ngày 18/11/2019. Chị M đã trả được nợ gốc 8.000.000 đồng vào ngày 10/8/2020, trả lãi đầy đủ hàng tháng. Dư nợ gốc được tính đến ngày 30/9/2020 là 42.000.000 đồng, lãi phát sinh hàng tháng theo hợp đồng. Sau khi ngân hàng làm việc với hội phụ nữ phường C, Tổ trưởng tổ dân phố tổ 7, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn tổ 7 và chị M, đã thống nhất chị M chịu trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 42.000.000 đồng và lãi phát sinh. Trong trường hợp anh chị không thỏa thuận được, Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo pháp luật, anh chị cùng có trách nhiệm trả khoản vay, cụ thể đề nghị chia đôi.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu chị M có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N trình bày:

Vợ chồng anh chị G, M vay nợ gia đình ông bà số tiền 136.800.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 26/5/2019, mục đích để mua vật tư sắt thép về sản xuất làm kinh tế gia đình. Ông bà đề nghị anh chị phải thanh toán trước khi ly hôn. Nếu anh chị không thanh toán trước khi ly hôn thì kể từ khi có quyết định giải quyết của Tòa án, ông bà yêu cầu anh chị phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 23/9/2020, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đề nghị hoãn phiên tòa do vắng mặt các đương sự lần thứ nhất, yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị N, giao văn bản số 162/YC-VKSTP-DS ngày 22/9/2020 về yêu cầu trên.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2020, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét

xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Tại phiên tòa, chị M không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 27, 37, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Xử cho anh Vũ Duy G ly hôn chị Nguyễn Thị M. Giao hai con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005 và Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng / 01 tháng.

Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Buộc anh G có nghĩa vụ trả số tiền vay 136.800.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N. Buộc chị M có nghĩa vụ trả số tiền vay 42.000.000 đồng và lãi hàng tháng cho Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, yêu cầu giải quyết nợ chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của bị đơn chị Nguyễn Thị M và đề nghị của ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị N về bổ sung khoản nợ của ông bà HN giải quyết trong vụ án ly hôn này, xét thấy:

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai của chị M, chị M trình bày về hai khoản nợ chung của vợ chồng đối với ông bà TN và Ngân hàng chính sách xã hội. Tại biên bản lấy lời khai, chị M nêu rõ ý kiến về các khoản nợ khác chị không biết và không chịu trách nhiệm.

Tòa án thông báo triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 20/8/2020, gửi qua dịch vụ bưu chính có bảo đảm, chị M ký nhận, đã được bưu điện báo phát, vắng mặt lần thứ nhất. Tại phiên mở lại ngày 28/8/2020, chị M bổ sung ý kiến, yêu cầu về khoản nợ trên tại thủ tục hòa giải, bản thân chị M trình bày không nhớ rõ thời

gian vay, không cung cấp được căn cứ gì chứng minh yêu cầu bổ sung của mình; ông bà HN cũng không trình bày được thời gian cụ thể cho vay tiền, chỉ trình bày về thời gian cho vay là "trong những năm vợ chồng chúng còn chung sống ấm êm", không lập giấy tờ và không có ai làm chứng; nguyên đơn anh G không thừa nhận việc vay nợ ông bà HN, trình bày anh không được biết và không chịu trách nhiệm.

Yêu cầu bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị N của bị đơn chị Nguyễn Thị M và đề nghị của ông bà HN được đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về nội dung yêu cầu và tài liệu, chứng cứ chứng M: Chị M, ông Hỹ, bà Ngọ đều không đưa ra được thời gian vay cụ thể và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

Đối với yêu cầu tại văn bản số 162/YC-VKSTP-DS ngày 22/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La và do đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa ngày 23/9/2020: Đề nghị hoãn phiên tòa do các đương sự trong vụ án vắng mặt và để xác minh, lấy lời khai, bổ sung người tham gia tố tụng, quay lại thủ tục kiểm tra chứng cứ và hòa giải.

Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa do các đương sự đều được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu xác M, thu thập chứng cứ, bổ sung người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 5, khoản 17 Điều 70, Điều 91, 93, khoản 5 Điều 189, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Để đảm bảo quyền lợi của các bên và đảm bảo việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự, xét cần tách yêu cầu trên giải quyết bằng vụ án khác. Các bên có quyền khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp vay tài sản khi có yêu cầu và có tài liệu, chứng cứ kèm theo chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2020, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết khoản vay ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Duy G và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau năm 2005, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do chị M không cùng gánh vác, không trung thực trong kinh tế gia đình. Anh đã tha thứ nhưng chị M không rút kinh nghiệm và không sửa chữa. Trong lúc anh gặp khó khăn, chị M đã lấy tiền của vợ chồng để dành riêng đưa cho anh vay lại nói là tiền vay của người khác và còn tính lãi với anh. Anh xác định về phía anh không còn tình cảm với chị M. Hiện tại anh chị sống ly thân, anh đã thuê nhà ở riêng. Anh giữ nguyên ý kiến yêu cầu giải quyết ly hôn với chị M.

Về phía chị M xác định chị vẫn còn tình cảm, nhưng bản thân chị không có biện pháp gì khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, chỉ đề nghị Tòa

án kéo dài thời gian giải quyết ly hôn để anh G suy nghĩ lại. Chị trình bày anh G có quan hệ ngoài hôn nhân nhưng không cung cấp các chứng cứ chứng M.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác M, thu thập chứng cứ, hòa giải giúp anh chị xác định nguyên nhân và có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, phát triển khối tài sản và kinh tế gia đình mà anh chị đã gây dựng được, cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ chung. Tuy nhiên, cả hai anh chị đều giữ nguyên ý kiến, yêu cầu. Xét căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Vũ Duy G ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005 và Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008. Cả hai con của anh chị đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét ý kiến của anh, chị và nguyện vọng của cháu Việt, Nam, để đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp với điều kiện thu nhập, chỗ ở của các bên hiện nay, cần giao hai con chung của anh chị cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con, mức cấp dưỡng phù hợp với điều kiện thu nhập, tài sản của anh chị hiện nay và đảm bảo nhu cầu nuôi dưỡng, học tập của con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có tranh chấp, anh chị có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[5] Về nợ chung:

Anh chị cùng xác định về hai khoản nợ chung đối với Ngân hàng chính sách xã hội và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N như sau:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐ-TD ngày 18/11/2019. Đã trả lãi hàng tháng và trả số tiền gốc 8.000.000 đồng, còn 42.000.000 đồng.

- Nợ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N số tiền 136.800.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 26/5/2019. Đến nay chưa thanh toán.

Đối với hai khoản nợ này đều được anh chị và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định là vay sử dụng mục đích chung của gia đình, các bên đều không thỏa thuận được về nghĩa vụ trả tiền. Do vậy cần áp dụng điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở các tài liệu, nguồn chứng cứ chứng M điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, người ký kết khoản vay và ý kiến, yêu cầu của anh chị, của ngân hàng, ông bà TN; nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của anh chị để quyết định phù hợp về phần nghĩa vụ của anh, chị đối với hai khoản nợ chung trên.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn anh Vũ Duy G phải chịu án phí ly

hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con. Người có nghĩa vụ về tài sản (trả tiền vay) phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 27, 37, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử cho anh Vũ Duy G ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005 và Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008, đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Duy G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Duy V, sinh ngày 11/10/2005, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 10 năm 2020, đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Duy G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Duy N, sinh ngày 19/9/2008, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 10 năm 2020, đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh S số tiền vay gốc còn lại là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐ-TD ngày 18/11/2019.

Anh Vũ Duy G có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N số tiền vay 136.800.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), theo Giấy nhận nợ ngày 26/5/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Nguyên đơn anh Vũ Duy G phải chịu các khoản án phí sơ thẩm gồm: án phí ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ chung 6.840.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng: 7.440.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001243 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Anh G còn phải nộp: 7.140.000 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ chung là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (*để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật;*
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh